

Số: **960** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày **11** tháng **5** năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008; số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư XDCT;

Căn cứ Quyết định số 2650/QĐ-BNN-KH ngày 21/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cho phép lập dự án đầu tư và giao nhiệm vụ Chủ đầu tư XDCT Dự án Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ;

Xét Tờ trình số 204/TTr-SNN ngày 29/10/2010 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ đề nghị phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, kèm theo hồ sơ do Liên danh Viện Tài nguyên nước và môi trường Đông Nam Á - Công ty Xây dựng và chuyển giao công nghệ thủy lợi lập;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình kèm theo Báo cáo thẩm định số 28/BC-TCTL-XDCB ngày 30/3/2011 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

2. Địa điểm xây dựng: Các xã Hưng Long, Thượng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh và thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Tài nguyên nước và môi trường Đông Nam Á - Công ty Xây dựng và chuyển giao công nghệ thủy lợi

5. Chủ nhiệm lập dự án: TS. Nguyễn Đình Ninh

6. Hình thức đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp công trình

7. Mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư xây dựng:

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình đảm bảo cấp nước tưới, tiêu chủ động cho 950 ha lúa, chè và các cây trồng khác thuộc 04 xã Phúc Khánh, Đồng Thịnh, Hưng Long, Thượng Long và thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước cho 100 ha lúa, 30ha chè thuộc xã Phúc Khánh; 100ha lúa, 30ha rau màu thuộc thị trấn Yên Lập.

8. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình:

+ Hồ Vông 2: Cấp III

+ Các đập dâng: Cấp V

- Tần suất lũ thiết kế:

+ Hồ Vông 2: Thiết kế: $P = 1\%$; kiểm tra: $P = 0,2\%$

+ Các công trình tạm phục vụ thi công: $P = 10\%$

+ Các đập dâng: $P = 2\%$

- Mức bảo đảm tưới: $P = 85\%$

- Hệ số tưới thiết kế: Lúa: 1,22l/s/ha; chè: 0,57l/s/ha

9. Các hạng mục công trình được duyệt:

9.1. Hồ Vông 2:

Xây dựng mới hồ Vông 2 có nhiệm vụ tưới cho khu tưới mẫu 100ha lúa và 30ha chè thuộc xã Phúc Khánh với nội dung như sau:

9.1.1. Thông số thiết kế:

Cao trình MNDBT	+151,7 m
Cao trình MNDGC	+153,3 m
Mực nước chết	+138,3 m
Dung tích hữu ích	$0,352 \times 10^6 \text{ m}^3$
Cao trình đỉnh đập	+154,0 m
Chiều cao đập H_d	26,5 m
Chiều dài đập	275,0 m
Chiều rộng đỉnh đập	5,0 m

9.1.2. Quy mô và kết cấu:

- Đập đất: Hình thức đập đất đồng chất, hệ số đầm chặt $K \geq 0,97$, dung trọng $\gamma_k \geq 1,5 \text{ T/m}^3$, hệ số thấm $K = 1,1 \times 10^{-5}$. Đỉnh đập được gia cố bằng bê tông mác 200 đổ tại chỗ dày 10cm; xây dựng tường chắn sóng bằng BTCT M200, cao 0,8m. Mái thượng lưu $m_{tl} = 3,0 \div 3,25$ gia cố bằng các tấm bê tông cốt thép M200 kích thước $(2,0 \times 2,0 \times 0,1) \text{ m}$, phía dưới là lớp dăm sỏi dày 10 cm và cát đệm đầm chặt dày 10cm.

bố trí cơ tại cao trình +144,0m. Mái hạ lưu $m_{hl} = 2,75 \div 3,0$, bố trí cơ tại cao trình +144,0m, trên mái hạ lưu bố trí các rãnh thoát nước xiên và trồng cỏ để bảo vệ mái; thiết bị tiêu thoát nước thân đập bao gồm thiết bị thoát nước đứng kiểu ống khói bằng cát lọc kết hợp vải địa kỹ thuật, thảm đất dăm, cát lọc tiêu thoát nước nằm ngang và lắng trụ đá tại chân mái hạ lưu đập, cao trình đỉnh lắng trụ +132,00m, chiều rộng đỉnh lắng trụ $B = 2,0\text{m}$, hệ số mái $m = 1,5$.

- Cổng lấy nước: bố trí bên vai phải đập, hình thức cổng chảy có áp, chiều dài $L=120,0\text{m}$. Kết cấu bằng ống thép, đường kính $\Phi 500$ dày 6mm bọc bê tông cốt thép M200. Cao trình đáy cổng +137,50 m, kênh dẫn nước cửa vào cổng kết cấu bê tông cốt thép M200. Sau cổng lắp van điều tiết và van sửa chữa, xây nhà van để quản lý vận hành.

- Trần xả lũ: bố trí tại vai trái đập, hình thức đập tràn đỉnh rộng chảy tự do, bề rộng ngưỡng $B=15\text{m}$; cao trình ngưỡng tràn +151,70m; kết cấu bằng bê tông cốt thép M200. Sau tràn bố trí dốc nước bằng BTCT M200, chiều dài $L=110\text{m}$, bề rộng $8 \div 15\text{m}$, sau dốc nước làm bể tiêu năng và kênh xả. Kết cấu bể tiêu năng BTCT M200, kênh xả gia cố bằng rọ đá $1 \times 2 \times 0,5\text{m}$.

- Đường ống dẫn nước: kết cấu ống bằng nhựa HDPE, đường kính ống $\Phi 200-300\text{mm}$, cao trình đầu ống +137,00m. Chiều dài tuyến 2710 m.

9.2. Hồ Đồng Trũng, xã Đồng Thịnh:

9.2.1. Thông số thiết kế:

Cao trình MNDBT	+87,0 m
Cao trình đỉnh đập	+88,0 m
Chiều cao đập H_d	3,0 m
Chiều dài đập	+87,0 m
Chiều rộng đỉnh đập	6,0 m

9.2.2. Giải pháp sửa chữa, nâng cấp:

- Đập đất: Hình thức đập đất đồng chất, đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$, dung trọng $\gamma_k \geq 1,5 \text{ T/m}^3$, hệ số thấm $K = 1,1 \times 10^{-5}$, chiều dài đỉnh đập $L=92\text{m}$, chiều rộng đỉnh đập $B = 6,0\text{m}$, cao trình đỉnh đập +88,0m. Đỉnh đập gia cố bằng bê tông M200, dày 0,2 m. Hệ số mái thượng, hạ lưu $m = 2,0$; gia cố mái thượng hạ lưu bằng các tấm bê tông cốt thép M200 kích thước $(2 \times 2 \times 0,1)\text{m}$.

- Cổng lấy nước: bố trí tại vai phải đập, hình thức cổng tròn $\Phi 500\text{mm}$, kết cấu cổng BTCT M200. Cao trình đáy cổng +86,90m. Sau cổng là bể xả, cao trình đáy bể +86,34m; kết cấu bê tông M150 dày 15cm. Nối tiếp sau bể xả là kênh dẫn, chiều rộng đáy kênh $b=0,5\text{m}$ gia cố bằng đá xây M100.

- Trần xả lũ: Trần rộng 3,0 m; cao trình ngưỡng tràn +87,0m; kết cấu bằng BTCT 200 dày 0,3m.

9.3. Các đập dâng:

9.3.1. Các thông số thiết kế:

Đơn vị: m

Thông số	Đập Lóng, xã Thượng Long	Đập Phai Làng, xã Đồng Thịnh	Đập Đảng, xã Thượng Long	Đập Lóng, xã Đồng Thịnh	Đập Cả, thị trấn Yên Lập
Hình thức sửa chữa	Sửa chữa	Làm lại đập tràn	Làm lại đập tràn	Làm lại đập tràn	Sửa chữa
Cao trình đỉnh tràn	+79,5	+66,8	+77,0	+63,5	+65,05
Cao trình đỉnh đập đất	+81,8	+68,8	+79,2	+64,7	+68,05
Chiều dài ngưỡng tràn	27,5	30,0	30,0	9,0	25,0
Chiều cao đập tràn	3,3	5,1	4,2	4,0	3,9
Chiều rộng đỉnh đập	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
Cống lấy nước	Sử dụng lại cống cũ, bổ sung dãn van	Làm lại cống lấy nước	Làm lại cống lấy nước	Làm lại cống lấy nước	Sử dụng lại cống cũ, bổ sung dãn van

9.3.2. Kết cấu:

Các đập dâng có hình thức đập tràn đỉnh rộng. Đập sửa chữa được bọc lớp BTCT M200 dày 30cm; đập làm lại có kết cấu lõi bằng bê tông M150, ngoài bọc BTCT M200 dày 30cm; kết cấu bề tiêu năng bằng BTCT M200.

9.4. Cầu máng kết hợp cầu giao thông, thị trấn Yên Lập:

- Cầu giao thông: Tải trọng thiết kế H18, dài $L=45,0\text{m}$, chiều rộng cầu $B=6,5\text{m}$. Kết cấu phần trên: mặt cắt ngang cầu gồm 4 dầm bản bằng BTCT M300, chiều cao dầm $h=0,9\text{m}$; lớp phủ mặt cầu bằng BT M300 dày 6cm; lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm. Kết cấu phần dưới: trụ cầu kiểu chữ I, kết cấu BTCT M250 đặt trên nền móng cọc BTCT.

- Ống dẫn nước: đặt ở mép trụ cầu, kết cấu ống thép $\Phi 400$.

9.5. Các khu tưới mẫu:

9.5.1. Khu tưới mẫu lúa thị trấn Yên Lập và Phúc Khánh:

Khu tưới được chia thành các tiểu khu với qui mô từ $6 \div 10\text{ha}$, kích thước $200\text{m} \times (300 \div 500)\text{m}$ tùy thuộc vào địa hình cụ thể. Trong mỗi tiểu khu được phân thành các lô nhỏ với qui mô $0,3\text{ha}$ có kích thước $30\text{m} \times 100\text{m}$.

- Bố trí hệ thống kênh tưới và tiêu cho từng tiểu khu và các lô trong khu tưới mẫu, kết cấu kênh tưới bằng bê tông M200, kênh tiêu có kết cấu kênh đất.

Mặt cắt thiết kế kênh tưới, tiêu cho tiểu khu: Kênh tưới: $b \times h = 0,4 \times 0,5\text{m}$; kênh tiêu: Kênh hình thang, chiều rộng đáy kênh $b = 1,5\text{m}$; mái $m = 1,5$.

Mặt cắt thiết kế kênh tưới, tiêu cho các lô: Kênh tưới: $b \times h = 0,25 \times 0,35\text{m}$; kênh tiêu: Kênh hình thang, chiều rộng đáy kênh $b = 0,5\text{m}$; mái $m = 1,0$.

- Đường nội đồng dọc theo tiểu khu: $L = 100\text{m}$; Bề rộng $B = 3\text{m}$; Kết cấu BT M150 dày 12cm

- Đường nội đồng dọc theo các lô: $L = 300\text{m}$; Bề rộng $B = 2\text{m}$; Kết cấu BT M150 dày 12cm

9.5.2. Khu tưới mẫu rau màu thị trấn Yên Lập:

Khu tưới được chia thành các lô nhỏ với qui mô 0,3ha có kích thước 25x120m

Trong các lô bố trí các luống tưới để phù hợp với việc canh tác rau mầu và thiết bị tưới. Chiều dài các luống tưới là 25m, các luống tưới cách nhau 4m.

Tại mỗi lô bố trí một ống chính bằng nhựa HDPE D40mm dài 120m. Đầu tuyến ống nối với máy bơm tạo áp lấy nước từ bể chứa trung gian có dung tích 20m³. Nước được dẫn từ hệ thống kênh tưới đến các bể trung gian thông qua hệ thống kênh hở.

Trên tuyến ống chính bố trí các đầu chờ nước có lắp van và một bộ phận tháo lắp nhanh.

Dọc theo các luống tưới bố trí 01 ống nhánh bằng HDPE D32mm.

9.5.3. Khu tưới mẫu chè xã Phúc Khánh:

Khu tưới được chia thành các lô nhỏ với qui mô 0,5ha có kích thước 50mx100m. Trong các lô bố trí các luống tưới phù hợp với việc canh tác rau mầu và thiết bị tưới. Chiều dài các luống tưới là 25m, khoảng cách giữa các luống 10m.

Tại mỗi lô bố trí một ống chính bằng nhựa HDPE D40mm dài 100m. Đầu tuyến ống nối với máy bơm tạo áp. Đầu tuyến ống chính này nối với các tuyến đường ống dẫn nước từ bể chứa chính có dung tích 180m³.

Dọc theo các luống tưới bố trí 01 ống nhánh bằng ống HDPE D15mm có gắn 1 vòi phun điều chỉnh được lưu lượng ở đầu ống.

Hệ thống đường ống nội đồng đường kính từ $\Phi 21$ đến $\Phi 75$;

Hệ thống vòi tưới phun mưa cầm tay sử dụng vòi có áp lực yêu cầu từ 0.5atm đến 2atm, bán kính tưới từ 10m đến 15m.

9.6. Hệ thống kênh, đường giao thông và khu quản lý vận hành:

9.6.1. Kênh dẫn nước trong vùng dự án: Nâng cấp toàn bộ hệ thống kênh trong khu vực từ kênh đất thành kênh bê tông.

- Hệ thống kênh xã Đồng Thịnh: dài 1.019m, kết cấu kênh bê tông M200; mặt cắt kênh 0,3x0,4m

- Hệ thống kênh thị trấn Yên Lập: dài 3.045m, kết cấu kênh bê tông M200; mặt cắt kênh 0,3x0,5m

9.6.2. Hệ thống đường giao thông:

- Nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn tại các xã Đồng Thịnh, thị trấn Yên Lập, xã Phúc Khánh, nền đường rộng từ 3 ÷ 6m; kết cấu bê tông M250, dày 20cm, đệm lớp cấp phối đá dăm dày 15cm.

- Xã Đồng Thịnh: Tổng chiều dài 1.861m, nền đường 3,5m; mặt đường 3,0m; kết cấu bê tông M250 dày 20cm, đệm lớp cấp phối đá dăm dày 15cm.

- Thị trấn Yên Lập: Đường cấp V miền núi, tổng chiều dài L=2.231m; nền đường 6,5m; mặt đường 5,5m; kết cấu bê tông M250 dày 20cm, đệm lớp móng cấp phối đá dăm dày 15cm.

- Xã Phúc Khánh: Tổng chiều dài 4.623m, nền đường rộng từ 3 ÷ 6m; kết cấu bê tông M250, dày 20cm,

9.6.3. Nhà quản lý vận hành: Xây dựng 07 nhà quản lý vận hành trong hệ thống để quản lý vận hành, bảo vệ các công trình đầu mối và các khu tưới, gồm:

- 04 nhà quản lý tại 4 khu tưới mẫu.
- 02 nhà điều hành tại 2 đầu mối: Vòng II, Thông Chim.

9.6.4. Hệ thống điều hành và các phương tiện cần thiết cho văn phòng trạm:

- Trang bị hệ thống đo đạc, thu thập và truyền số liệu từ 3 công trình đầu mối chính trong hệ thống là: Hồ Thượng Long, hồ Vòng 2 và đập Thông chim về trạm quản lý KTCTTL Yên Lập.

- Xây dựng phần mềm giám sát và quản lý hệ thống thủy lợi khu vực 4 xã và thị trấn Yên Lập.

- Thiết bị văn phòng: máy tính, điện thoại cố định tại trạm và 3 công trình đầu mối.

- Phụ kiện để thực hiện đo đạc, thu thập và truyền số liệu: Thiết bị đo mưa tự động, hệ thống Pin mặt trời cung cấp năng lượng, hệ thống chống sét bảo vệ...

10. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **232.683.000.000 đồng** (Hai trăm ba mươi hai tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu đồng), chi tiết:

<i>Đơn vị: đồng</i>		
1	Chi phí xây dựng	168.069.000.000
2	Chi phí thiết bị	5.721.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	2.438.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	17.449.000.000
5	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	19.557.000.000
6	Chi phí khác	4.017.000.000
7	Dự phòng	21.153.000.000

Nguồn vốn: Ngân sách do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

11. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đất vĩnh viễn: 28,1 ha
- Diện tích sử dụng đất tạm thời: 4 ha
- Số hộ di dời, tái định cư: 12 hộ

12. Hiệu quả kinh tế: Hệ số nội hoàn: EIRR = 12,63%

13. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước gồm bước thiết kế cơ sở và bước thiết kế bản vẽ thi công.

14. Những vấn đề cần lưu ý trong giai đoạn sau:

- Chủ đầu tư tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trình UBND tỉnh Phú Thọ thẩm định, phê duyệt đảm bảo tiến độ.

- Thống nhất với Sở Giao thông Phú Thọ về các thông số của cầu và đường giao thông trong Dự án theo quy định.

- Cống lấy nước của đập Vòng 2 thiết kế theo quy định về an toàn đập;

15. **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
 16. **Thời gian thực hiện dự án:** 05 năm kể từ ngày khởi công.
 17. **Phương thức thực hiện dự án:** Thiết kế, thi công được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Tổng cục Thủy lợi chủ trì thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm phục vụ sản xuất trong quá trình xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Thủ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Sở NN-PTNT Phú Thọ;
- Kho bạc NN tỉnh Phú Thọ;
- Vụ KH, Vụ TC;
- Cục QL XDCT;
- Lưu: VT, TCTL.

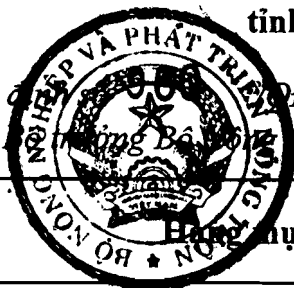
KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG

Đào Xuân Học

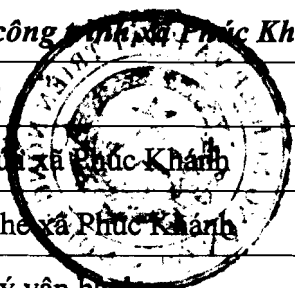
PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án Xây dựng mô hình mẫu tưới, tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập,
tỉnh Phú Thọ**

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-BNN-TCTL ngày **11** tháng **5** năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



STT	Hạng mục	Kinh phí (đ)
I	Chi phí xây dựng	168.069.000.000
1	Hệ thống công trình thị trấn Yên Lập	34.688.000.000
1.1	Đường giao thông liên thôn, xã	8.763.000.000
1.2	Khu mẫu lúa thị trấn Yên Lập	16.774.000.000
1.3	Khu mẫu màu thị trấn Yên Lập	2.851.000.000
1.4	Nhà quản lý vận hành	608.000.000
1.5	Các công trình khác	5.692.000.000
2	Hệ thống công trình xã Phúc Khánh	115.782.000.000
2.1	Hồ Vông 2	57.664.000.000
2.2	Khu mẫu lúa xã Phúc Khánh	33.881.000.000
2.3	Khu mẫu chè xã Phúc Khánh	12.522.000.000
2.4	Nhà quản lý vận hành	608.000.000
2.5	Đường giao thông liên thôn xã Phúc Khánh	11.107.000.000
3	Hệ thống công trình xã Đồng Thịnh	12.310.000.000
4	Hệ thống công trình xã Thượng Long	4.858.000.000
5	Hệ thống công trình xã Hưng Long	127.000.000
6	Nhà quản lý vận hành tại đầu mối Thông Chim	304.000.000
II	Chi phí thiết bị	5.721.000.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	17.449.000.000
1	Khảo sát và chi phí lập thiết kế giai đoạn DAĐT	9.972.000.000
2	Khảo sát và chi phí lập thiết kế giai đoạn TKBVTC	5.138.000.000
3	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi dự án	67.000.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-TDT	225.000.000
5	Chi phí lập HSMT, PT đánh giá HS dự thầu	143.000.000



6	Chi phí giám sát thi công	1.904.000.000
IV	Chi phí quản lý dự án	2.438.000.000
V	Chi phí khác	4.017.000.000
1	Chi phí nhân công Dự án đầu tư	19.000.000
2	Chi phí tham định KCS	19.000.000
3	Chi phí bảo hiểm	1.142.000.000
4	Chi phí liên toán	116.000.000
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	96.000.000
6	Rà phá bom mìn vật nổ	625.000.000
7	Chi phí đào tạo, đánh giá mô hình tưới, tiêu hiện đại	1.500.000.000
8	Chi phí khác	500.000.000
VI	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	19.557.000.000
VII	Chi phí dự phòng	21.153.000.000
	Tổng mức đầu tư	232.683.000.000

(Hai trăm ba mươi hai tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu đồng)

SM

